UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2244/KH-UBND	*Kon Tum, ngày 05 tháng 9 năm 2014*

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
ĐẾN Số: 5583
Ngày: 5/9/14
Chuyển: KTVX, KTĐN mạch
05.9

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, giai đoạn 2014 - 2020 tỉnh Kon Tum

Căn cứ Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

Thực hiện Công văn số 297/UBDT-HTQT ngày 31/3/2014 của Uỷ ban Dân tộc về việc triển khai Đề án tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Kế hoạch số 1285/KH-UBND ngày 29/5/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về thực hiện Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Uỷ ban nhân dân tỉnh (UBND tỉnh) xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014 - 2020 với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường hợp tác thu hút các nguồn lực vốn đầu tư, khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm; đồng thời đẩy mạnh công tác vận động, khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn việc trợ của các nước, các tổ chức quốc tế, tập thể, cá nhân ở nước ngoài, hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội cho vùng dân tộc thiểu số, góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các dân tộc; từng bước hình thành các trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học vùng dân tộc thiểu số; phát triển nguồn nhân lực và đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở và giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thu hút tối đa các nguồn lực từ vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các khoản vay ưu đãi trong cộng đồng đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, trong đó tập trung: Phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ dân trí; đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, đẩy nhanh công tác xoá đói giảm nghèo; đảm bảo nước sạch, vệ sinh môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; chăm sóc sức khoẻ, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; bảo tồn và phát triển văn hoá các tộc người.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ, vốn hỗ trợ phát triển chính thức; thực hiện nguyên tắc minh bạch và nâng cao tính trách nhiệm; đồng thời tăng cường giám sát đánh giá, nâng cao năng lực hợp tác với các tổ chức phi chính phủ.

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về hội nhập quốc tế và xây dựng, quản lý, sử dụng các nguồn vốn viện trợ nước ngoài cho cán bộ làm nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực hợp tác đầu tư trong hệ thống cơ quan liên quan công tác dân tộc.

- Củng cố và tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa tỉnh với các tổ chức quốc tế, các cá nhân nước ngoài đã và đang hoạt động tại tỉnh; thiết lập và mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tiềm năng thông qua các Đại sứ quán, cơ quan đại diện, hội nghị xúc tiến và các hoạt động đối ngoại khác để thu hút các nguồn lực hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh. Tạo môi trường pháp lý phù hợp và thuận lợi cho hoạt động viện trợ của các tổ chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường tính chủ động của các ngành, địa phương trong việc thu hút các nguồn lực phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng thêm nguồn lực cho những nỗ lực giảm nghèo và phát triển bền vững của tỉnh; kết hợp hài hòa và lồng ghép giữa nguồn viện trợ với các nguồn vốn đầu tư phát triển khác, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đối tượng thụ hưởng

Vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó ưu tiên các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; hộ nghèo, cận nghèo và các dân tộc thiểu số rất ít người trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Phạm vi, thời gian thực hiện

- Phạm vi hỗ trợ của Đề án: Hỗ trợ tài chính; kỹ thuật; tri thức, kinh nghiệm và chuyển giao khoa học, công nghệ.

- Thời gian thực hiện Đề án: Giai đoạn 2014 - 2020.

3. Nguồn vốn thực hiện

- Vốn viện trợ không hoàn lại và vốn vay ưu đãi từ các Chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và cá nhân ở nước ngoài.

- Vốn đối ứng: Nguồn ngân sách; cộng đồng, tập thể, cá nhân và của các doanh nghiệp ở trong nước.

4. Các lĩnh vực ưu tiên thu hút nguồn lực và vận động viện trợ

4.1. Phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ dân trí và xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số:

- Vận động và tranh thủ các nguồn vốn hợp pháp từ nước ngoài để tăng cường nguồn lực đầu tư cho các hoạt động giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số để nâng cao quy mô và chất lượng nguồn nhân lực, bổ sung trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục và dạy nghề góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đào tạo các ngành nghề, chương trình đào tạo, dạy nghề phù hợp với trình độ, nhu cầu của địa phương; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng thanh niên người dân tộc thiểu số đang tại ngũ để tạo nguồn cán bộ khi xuất ngũ về địa phương; tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho người lao động dân tộc thiểu số. Đào tạo, dạy nghề gắn với tạo việc làm cho các đối tượng có nhiều mặt hạn chế trong xã hội, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ mở rộng dạy và học chữ viết của dân tộc thiểu số, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên là người dân tộc thiểu số; hỗ trợ giáo viên tình nguyện có trình độ chuyên môn cao cho các trường dân tộc nội trú, cung cấp học bổng đào tạo trong và ngoài nước đối với học viên là người dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ, đầu tư trang thiết thiết bị dạy và học cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú; xây dựng hệ thống các trường nội trú, bán trú, hệ thống nhà nội trú, bán trú; phát triển hệ thống thư viện phù hợp với yêu cầu của từng địa phương.

- Hỗ trợ đào tạo công nghệ thông tin cho cán bộ, học sinh các trường phổ thông ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn nhất là đào tạo cho người dân tộc thiểu số; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin đối với các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

4.2. Đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Sử dụng vốn viện trợ của các tổ chức quốc tế, các cá nhân nước ngoài để tập trung đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, bao gồm: Đường giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, trạm y tế, trường học, điện, hệ thống thông tin, tuyên truyền ..., bảo đảm đến năm 2020 đạt 100% số thôn, làng được sử dụng điện lưới quốc gia.

- *Về giao thông:* Lựa chọn các công trình ưu tiên trong việc phát triển giao thong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, mở rộng mạng lưới giao thông và sửa chữa, nâng cấp một số tuyến đường đến trung tâm xã, thôn đặc biệt khó khăn, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; cải tạo nâng cấp hệ thống kè, mương dẫn nước ... góp phần phòng chống lũ lụt, giảm thiểu rủi ro thiên tai cho cộng đồng dân cư.

- *Về thủy lợi và cấp nước sinh hoạt:* Xây dựng một số công trình thủy lợi vừa và nhỏ, trạm bơm cục bộ, hệ thống kênh mương tưới tiêu để đáp ứng cơ bản

nhu cầu nước tưới phục vụ sản xuất và nước sinh hoạt cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhất là các xã, địa bàn đặc biệt khó khan.

- *Phát triển hạ tầng cơ sở y tế:* Nâng cấp, xây dựng và cung cấp trang thiết bị y tế cho bệnh viện chuyên khoa tuyến huyện, trung tâm y tế cấp huyện và các trạm y tế cấp xã để đủ khả năng giải quyết cơ bản nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân ngay tại địa phương.

4.3. Đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo

- Hỗ trợ công tác quy hoạch dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với định hướng phát triển sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; đồng thời hỗ trợ mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyên công, chuyển giao khoa học, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và đời sống; hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, các trang thiết bị, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập nhằm từng bước ổn định đời sống và phát triển bền vững.

- Xóa nhà tạm cho người nghèo, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, nạn nhân chất độc da cam, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng thường xuyên dễ bị ảnh hưởng của thiên tai.

- Hỗ trợ nâng cao hiệu quả nuôi, trồng các loại cây, con bản địa và cây, con có giá trị kinh tế cao như sâm Ngọc Linh, sâm dây, ngũ vị tử ... và các loại rau, hoa xứ lạnh, thủy sản nước lạnh; heo, gà, nhím rừng thuần chủng; hỗ trợ các mô hình sản xuất hàng hóa; quản lý môi trường và dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, thủy sản.

- Hỗ trợ nâng cao trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực nhằm phát huy tốt tiềm năng nội lực của địa phương, phát huy năng lực tự chủ, kinh nghiệm, sáng tạo của đồng bào trong lao động sản xuất; chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, các kỹ năng để cung cấp đáp ứng nhân lực cho 3 vùng kinh tế động lực, trọng điểm của tỉnh để từ đó hỗ trợ, kéo theo sự phát triển của các địa phương khác. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm từ 4 - 5%.

4.4. Đảm bảo nước sạch, vệ sinh môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

- Khuyến khích tiếp nhận chuyển giao khoa học, công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm từ các nhà tài trợ nước ngoài vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số đảm bảo cung cấp nước sạch, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sản suất.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khai thác tài nguyên khoáng sản và môi trường, sinh thái vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo qui định của pháp luật.

- Quy hoạch và quản lý môi trường trong phát triển làng nghề, trang trại chăn nuôi tập trung, cụm công nghiệp. Áp dụng và phát triển các mô hình sản xuất thân thiện với môi trường, tổ chức phổ biến phương thức, kỹ thuật canh tác tiên tiến phù hợp nhằm ngăn chặn tình trạng suy thoái đất, xói mòn, rửa trôi và chống lũ quét ở vùng miền núi. Quy hoạch, khoanh vùng thiên tai nguy hiểm và chủ động di dời dân ra khỏi các vùng nguy hiểm, ổn định tái định cư.

- Phòng ngừa, giảm nhẹ thiên tai: Đào tạo kỹ năng ứng phó khi xảy ra thiên tai, thảm họa; cứu trợ khẩn cấp (cung cấp thuốc men, lương thực, nhà ở) khi xảy ra thiên tai, thảm họa, tái thiết cơ sở hạ tầng và phục hồi sản xuất.

- Nâng cao năng lực quản lý đối với các lực lượng bảo vệ tài nguyên, quản lý lâm nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở địa phương.

- Khuyến khích các dự án nhằm bảo vệ và cải thiện môi trường sống, môi trường thiên nhiên theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng và bền vững các tài nguyên đất, nước, không khí, rừng như: Trồng và bảo vệ rừng, vệ sinh môi trường, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và phòng chống buôn bán, nuôi nhốt, giết hại các loài động vật hoang dã; bảo tồn động vật hoang dã và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản, ý thức sử dụng nguồn nước sạch tiết kiệm, giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

4.5. Chăm sóc sức khỏe, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và HIV/AIDS

- Tuyên truyền, giáo dục và có kế hoạch, biện pháp đồng bộ giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Hỗ trợ tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức và tổ chức thực hiện có hiệu quả các biện pháp, nhiệm vụ về dân số, kế hoạch hoá gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Hỗ trợ, đầu tư trang thiết bị y tế, nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sỹ tuyến cơ sở, đặc biệt cho vùng dân tộc thiểu số. Phấn đấu đến năm 2020 đạt 100% Trạm Y tế xã có Bác sĩ; bình quân 11 - 12 bác sĩ/vạn dân, 01 dược sĩ đại học/vạn dân; 46,5 giường bệnh/vạn dân; đảm bảo 100% Trạm Y tế xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Hỗ trợ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống sốt rét, lao phổi, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; phòng chống HIV/AIDS, hỗ trợ và điều trị cho người nhiễm HIV/AIDS; tuyên truyền về biện pháp, mô hình can thiệp, giảm thiểu tác hại của HIV/AIDS; phòng chống và giảm nhẹ tác hại của ma túy; tuyên truyền về nguy cơ và hiểm họa ma túy.

- Hỗ trợ, tăng cường năng lực ứng dụng y học cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, khuyến khích các bài thuốc nam, thuốc dân tộc, thực hiện tốt chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo; lồng ghép các Chương trình

mục tiêu quốc gia về y tế nhằm giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, nhất là trẻ em nghèo ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ và triển khai các hoạt động giáo dục, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe học đường; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật; các hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình, kiểm soát tỷ lệ sinh và mất cân bằng giới.

4.6. Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số và bảo vệ quyền của người dân tộc thiểu số.

- Tuyên truyền bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; hỗ trợ đưa các dân tộc thiểu số rất ít người ra khỏi tình trạng mai một, mất bản sắc văn hóa như dân tộc Brâu, RơMăm.

- Tuyên truyền, thực hiện tốt các giải pháp bảo tồn, phát huy các lễ hội, các môn thể dục, thể thao truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, định kỳ tổ chức các ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc. Khôi phục và phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số phù hợp điều kiện, nhu cầu hiện nay. Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum.

- Xây dựng các đội văn nghệ và các Câu lạc bộ văn hoá văn nghệ dân gian như Câu lạc bộ cồng chiêng, câu lạc bộ nhạc cụ truyền thống...; các thiết chế văn hoá truyền thống phù hợp với từng vùng, địa phương, từng dân tộc đi vào sử dụng quản lý có hiệu quả, không để mai một mất đi.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở để phổ biến tuyên tuyền, vận động nhân dân thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4.7. Nâng cao năng lực xây dựng chính sách cho đội ngũ cán bộ liên quan đến công tác dân tộc.

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý các chương trình, dự án có nguồn vốn viện trợ nước ngoài;

- Nâng cao năng lực quản lý các chương trình, dự án chính sách cho cán bộ làm công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Khuyến khích sử dụng lao động tại vùng dân tộc thiểu số phục vụ cho các dự án; ưu tiên việc dạy nghề, đào tạo lao động người dân tộc thiểu số; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ tham gia xây dựng chính sách liên quan đến công tác dân tộc.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, vận động và sử dụng nguồn vốn viện trợ

- Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Trung ương; bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh về quản lý, sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, quản lý các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đảm bảo đồng bộ, nhất quán, rõ ràng, đơn giản và dễ thực hiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài vào hoạt động và triển khai tại Kon Tum với thủ tục nhanh chóng, kịp thời đáp ứng nhu cầu công tác.

- Thực hiện tốt, nhanh việc đền bù giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện chương trình, dự án từ nguồn viện trợ không hoàn lại và vốn vay ưu đãi vào vùng dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật, trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đảm bảo việc thực hiện theo quy định pháp luật đối với từng loại đất sản suất, đất rừng theo mô hình cộng đồng phù hợp với phong tục tập quán của từng địa bàn, dân tộc phục vụ các chương trình, dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

- Khuyến khích tiếp nhận chuyển giao khoa học, công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm từ các nhà tài trợ nước ngoài vào vùng dân tộc thiểu số đảm bảo bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sản suất.

2. Quản lý và đào tạo nguồn nhân lực

- Thống nhất quản lý các hoạt động liên quan đến các nhà tài trợ nước ngoài vào vùng dân tộc thiểu số của tỉnh theo phân cấp của Trung ương và theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý các chương trình, dự án có nguồn vốn viện trợ nước ngoài; có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho những cán bộ có năng lực được biệt phái làm việc cho các dự án và đảm bảo được tiếp tục quay trở về cơ quan cũ làm việc, khi dự án hoàn thành.

- Khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề và sử dụng lao động tại vùng dân tộc thiểu số phục vụ cho các dự án và sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số có đủ khả năng tham gia giảng, trợ giảng trong đào tạo nguồn nhân lực cho các dự án đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số.

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và tiếp nhận chuyển giao khoa học, công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm từ các nhà tài trợ vào vùng dân tộc thiểu số đảm bảo bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Củng cố và tăng cường năng lực của các cơ quan tham gia vận động, quản lý sử dụng nguồn viện trợ, bảo đảm có cán bộ chuyên trách, được đào tạo cơ bản và phù hợp. Tạo điều kiện, bố trí đủ cơ sở vật chất cần thiết để thực hiện công tác vận động, quản lý và sử dụng viện trợ hiệu quả.

3. Tăng cường năng lực thu hút đầu tư, vận động và sử dụng nguồn vốn nước ngoài

- Thể chế hóa các yêu cầu, mục tiêu của nguồn vốn ODA tham gia hỗ trợ cùng nguồn lực công tác trong các mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội tại các quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển của tỉnh; đề cao vai trò trách nhiệm của từng đơn vị, địa phương trong công tác vận động, phân bổ, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa chủ đầu tư dự án với các nhà tài trợ nước ngoài, giữa các Bộ, ngành với địa phương để kịp thời tháo gỡ những khó khan, vướng mắc ngay từ khi mới phát sinh trong quá trình thực hiện dự án nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thực hiện tốt công tác chuẩn bị dự án nhằm thu hút, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài, đồng thời ưu tiên bố trí đảm bảo nguồn vốn đối ứng để thực hiện các dự án.

- Đổi mới tư duy và đa dạng phương thức vận động; chuyển đổi phương thức vận động chung sang vận động theo từng dự án cụ thể. Xác định rõ lĩnh vực và địa bàn ưu tiên, có tính trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp trong viện trợ. Tạo điều kiện để mọi người dân, mọi cơ quan đều tham gia vào quá trình vận động, thu hút và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

- Làm tốt công tác theo dõi, hướng dẫn, đánh giá việc thực hiện các dự án sử dụng vốn ODA và các khoản vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh. Tích cực thúc đẩy tiến độ xây dựng và bảo đảm hiệu quả các dự án đang thực hiện. Trước mắt, cần đẩy nhanh tiến độ giải ngân và bảo đảm hiệu quả các dự án đã được đầu tư để tạo điều kiện tăng mức đầu tư, hoàn thành thủ tục để triển khai các dự án do các tổ chức song phương, đa phương tài trợ. Tiến hành sơ kết, tổng kết công tác đối ngoại, công tác thông tin đối ngoại của tỉnh để rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc thu hút các nguồn vốn.

- Tổ chức hội thảo, hội nghị, các diễn đàn ... với các tổ chức tài trợ để kêu gọi sự quan tâm giúp đỡ của các cơ quan Trung ương, các nhà tài trợ song phương và đa phương trên thế giới; giới thiệu nhu cầu sử dụng nguồn vốn ODA và các khoản vay ưu đãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và mạng internet như: phát thanh, truyền hình, sách, tạp chí, báo ...

4. Hợp tác, cung cấp chia sẻ thông tin

- Cung cấp các thông tin kịp thời, chính xác nhu cầu về chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số. Ban hành một số chính sách đặc thù của địa phương theo quy định của pháp luật nhằm thu hút tài trợ nước ngoài vào các lĩnh vực cần thiết để khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh từng địa bàn, từng dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục củng cố và mở rộng mối quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, giới thiệu các nhu cầu của tỉnh với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, định hướng viện trợ vào những lĩnh vực và địa bàn ưu tiên của tỉnh.

- Xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống thông tin nhằm đảm bảo cung cấp nhanh và chính xác về nhu cầu của tỉnh, của các ngành, địa phương như thông qua mạng internet, cổng và các trang thông tin điện tử để giới thiệu, quảng bá và cung cấp thông tin cần thiết về chủ trương, nhu cầu viện trợ đầu tư... của tỉnh.

5. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn nước ngoài

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, trách nhiệm và giám sát của các bên, cộng đồng trong suốt quá trình lập, triển khai và kết thúc dự án.

- Cập nhật, hoàn thiện dữ liệu chính thức về các chương trình, dự án trên địa bàn phục vụ công tác theo dõi, phân tích và đánh giá. Thể chế hóa công tác theo dõi, đánh giá và báo cáo các chương trình, dự án, có chế tài xử lý. Tăng công tác cung cấp thông tin và tuyên truyền về các mô hình dự án hiệu quả, các bài học kinh nghiệm thiết thực cho các tổ chức tài trợ cũng như các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh trong tỉnh; đồng thời tăng cường phối hợp giữa các chủ dự án, các ban quản lý dự án với cơ quan đầu mối ODA ...

- Tăng cường thúc đẩy mô hình tham gia giám sát các dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và cộng đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc:

- Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện, quản lý, triển khai, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cung cấp thông tin tới các đối tác nước ngoài quan tâm đến viện trợ địa bàn dân tộc thiểu số; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch, Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng các chương trình, dự án, tổng hợp và tổ chức các hoạt động xúc tiến kêu gọi tài trợ vào vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh triển khai các cơ chế, chính sách tài chính thực hiện Kế hoạch, Đề án và hướng dẫn quản lý, sử dụng quyết toán nguồn vốn theo quy định hiện hành;

- Tổng hợp, báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm và đột xuất về UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc tỉnh và các cơ quan liên quan trong quá trình tham vấn triển khai các chương trình, dự án đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các cơ quan liên quan hướng dẫn xây dựng, thẩm định nội dung, chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA; tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án và tổ chức xúc tiến, vận động, thu hút tài trợ vào vùng dân tộc thiểu số.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc và các đơn vị khác có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai các cơ chế, chính sách tài chính thực hiện Kế hoạch, Đề án;

- Chủ trì hướng dẫn quản lý tài chính, sử dụng, quyết toán, chế độ báo cáo về sử dụng và quản lý nguồn vốn viện trợ trên cơ sở quy định của pháp luật về quản lý tài chính và tài sản công.

- Chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí vốn cho công tác triển khai thực hiện tiếp xúc, vận động các chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài trong ngân sách tỉnh hàng năm.

4. Sở Ngoại vụ

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc tỉnh và các cơ quan liên quan trong quá trình tham vấn triển khai các chương trình, dự án đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan đại diện ngoại giao các nước tại Việt Nam, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài nhằm giới thiệu, xúc tiến vận động, thu hút các nguồn vốn nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bàn dân tộc thiểu số.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện đúng các quy định của Nhà nước trong việc tiếp xúc và làm việc với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương.

5. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, các tổ chức đoàn thể tỉnh

- Căn cứ nội dung của Kế hoạch để cụ thể hóa các ưu tiên trong thu hút nguồn lực vốn đầu tư, khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm của các nước, các tổ chức quốc tế, tập thể, cá nhân nước ngoài và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị mình đúng quy định của pháp luật; đồng thời triển khai lồng ghép các chương trình, dự án nhằm phát huy tối đa hiệu quả của các nguồn vốn, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương.

- Xây dựng các chương trình, dự án cụ thể để thu hút, vận động các nhà tài trợ nước ngoài ưu tiên cho vùng đồng bàn dân tộc thiểu số thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương.

- Trên cơ sở Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên thu hút đầu tư và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài, giai đoạn 2014 - 2020 *(Có Danh mục cụ thể kèm theo)* và nội dung của Kế hoạch này các sở, ban, ngành, địa phương nghiên cứu, vận dụng và triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Định kỳ 6 tháng và hằng năm có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch, Đề án và các chương trình, dự án tài trợ về Ban Dân tộc để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các ngành chức năng liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Dân tộc (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ Hợp tác quốc tế, Ủy ban Dân tộc;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh, đoàn thể tỉnh;
- Các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX4, TH, KTTH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Nguyễn Hữu Hải

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VẬN ĐỘNG NGUỒN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ CÁC KHOẢN VAY ƯU ĐÃI GIAI ĐOẠN (2014-2020)

(Kèm theo Kế hoạch số: 2244 /KH-UBND ngày 05 / 9 /2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Lĩnh vực - dự án	Địa điểm	Mục tiêu, nội dung dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)	Trong đó		Ghi chú
					ODA	Đối ứng	
I	**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**						
1	Dự án xây dựng Trung tâm đào tạo vận động viên quốc gia tại Măng Đen;	Huyện Kon Plong	Xây dựng trung tâm đào tạo vận động viên thể thao, bao gồm các hạng mục: phòng học, nhà quản lý, nhà tập luyện đa năng, ký trúc xá cán bộ, học viên …	450,000	300,000	150,000	Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 10/4/2013 của UBND tỉnh
2	Trường dạy nghề tỉnh Kon Tum (giai đoạn 2)	TP Kon Tum	Trạm xã, nhà ở giáo viên, hội trường đa năng, sân tập trung, khung viên cây xanh, thảm cỏ ..	20,000	17,000	3,000	Đầu tư các hạng mục thuộc giai đoạn II theo dự án đã duyệt tại quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của UBND tỉnh
3	Trường THCS	Xã Ya Xia, huyện Sa Thầy	18 phòng học, 04 phòng học nhạc, tin học, ngoại ngữ phục vụ 18 lớp với 730 học sinh bậc THCS	15,632	13,105	2,527	
II	**ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG, KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC**						
1	Lưới điện và hệ thống điện công lộ từ trung tâm huyện KonPlông vào thác Pau Sũ và khu kinh tế mới	Thác Pau Sũ, Măng Đen, huyện KonPlông	Đường dây 22KV dài 9km; đường dây 0,4KV dài 6km; 04 trạm biến áp 3 pha,…	20,307	17,100	3,207	
2	Các dự án nâng cấp tỉnh lộ và nâng cấp huyện lộ; đường đến trung tâm các xã chưa có đường ô tô	Toàn tỉnh	Nâng cấp mật độ giao thông, phát triển mạng lưới đường bộ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội	27,255,000	23,166,750	4,088,250	Quyết định số 834QĐ-UBND ngày 24/10/2013 của UBND tỉnh

TT	Lĩnh vực - dự án	Địa điểm	Mục tiêu, nội dung dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)	Trong đó		Ghi chú
					ODA	Đối ứng	
3	Đường giao thông liên xã Sa Nghĩa đi Hơ Moong	Xã Sa Nghĩa và Hơ Moong, huyện Sa Thầy	Hoàn thiện mạng lưới đường giao thông	35,667	30,000	5,667	Quyết định số 891QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của UBND tỉnh
4	Đường Nghĩa Long đi Hà Mòn	Sa Thầy	5,57km	38,051	27,119	10,932	
5	Nâng cấp kết cấu hạ tầng TP Kon Tum; các thị trấn (Plei Kần, Đăk Tô, Đăk Hà);	Thành phố Kon Tum, các huyện: Ngọc Hồi, Đăk Tô, Sa Thầy	Đường giao thông; hệ thống điện; thông tin truyền thông	2,000,000	1,700,000	300,000	Quyết định số 581QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ
6	Kết cấu hạ tầng thị trấn các huyện Tu Mơ Rông, Kon Rẫy, Nam Sa Thầy;	Các huyện: Tu Mơ Rông, Kon Rẫy, Nam Sa Thầy (dự kiến thành lập huyện mới)	Đường giao thông; hệ thống điện; thông tin truyền thông	2,000,000	1,700,000	300,000	Quyết định số 581QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ
7	Đầu tư cơ sở hạ tầng các làng dân tộc nội thành phố Kon Tum	Thành phố Kon Tum	Đường giao thông; thủy lợi; cấp nước sinh hoạt; điện thắp sáng, thiết chế văn hóa	500,000	425,000	75,000	
8	Thủy lợi Đăk Giao	Thị trấn ĐăkRve, huyện Kon Rẫy	Cung cấp nước tưới cho 30 ha lúa 2 vụ và 37 ha cây công nghiệp	16,000	12,329	3,671	
9	Thủy lợi Đăk Trốt	Xã Đăk Pét, huyện ĐăkGlei	Cung cấp nước tưới cho 60 ha lúa 2 vụ và 50 ha cây công nghiệp	19,444	14,667	4,777	
III	**NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN KẾT HỢP XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO**						
1	Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên	Toàn tỉnh	Nâng cao mức sống thông qua cải thiện cơ hội sinh kế ở các xã nghèo trong vùng dự án	631,366	568,229	63,137	Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 31/3/2013 của UBND tỉnh

TT	Lĩnh vực - dự án	Địa điểm	Mục tiêu, nội dung dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)	Trong đó		Ghi chú
					ODA	Đối ứng	
IV	**NƯỚC SẠCH, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**						
1	Cấp nước thị trấn huyện lỵ Kon Rẫy	Thị trấn huyện lỵ Kon Rẫy	4.000 dân số (2010)	30,540	24,337	6,203	JICA đã tài trợ
2	Cấp nước sinh hoạt thị trấn Đăk Hà	Thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà	18.000 dân số (2010)	37,200	31,000	6,200	JICA đã tài trợ
3	Cấp nước sinh hoạt xã Sa Sơn, thị trấn Sa Thầy và Sa Nghĩa	Sa Thầy	2.000 hộ dân thụ hưởng	47,859	37,757	10,102	
4	Hệ thống cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện TuMơRông	Xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông	12.860 người	66,000	59,400	6,600	
5	Cấp nước sạch nội thị trấn Đăk Glei	Thị trấn ĐăkGlei, huyện ĐăkGlei	100 lít/người/ngày	34,994	27,996	6,998	
6	Cấp nước thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi	Thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi	5.000m3/ngày-đêm	83,128	68,997	14,131	
7	Cấp nước trung tâm huyện lỵ huyện mới Nam Sa Thầy	Nam Sa Thầy	1.000m3/ngày-đêm	30,000	25,500	4,500	Quyết định số 891QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của UBND tỉnh
8	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung thị trấn Đăk Hà	Thị trấn Đăk Hà	Loại bỏ các tạp chất nhiễm bẩn, làm sạch nước để có thể đưa nước vào nguồn tiếp nhận hoặc đưa vào tái sử dụng	100,000	80,000	20,000	

TT	Lĩnh vực - dự án	Địa điểm	Mục tiêu, nội dung dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)	Trong đó		Ghi chú
					ODA	Đối ứng	
9	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung thị trấn Đăk Tô	Thị trấn Đăk Tô	Loại bỏ các tạp chất nhiễm bẩn, làm sạch nước để có thể đưa nước vào nguồn tiếp nhận hoặc đưa vào tái sử dụng	90,000	72,000	18,000	
10	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung trung tâm huyện Kon Rẫy	Huyện Kon Rẫy	Loại bỏ các tạp chất nhiễm bẩn, làm sạch nước để có thể đưa nước vào nguồn tiếp nhận hoặc đưa vào tái sử dụng	50,000	42,500	7,500	
11	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, bệnh viện, khu vực chăn nuôi công nghiệp	Huyện ĐăkGlei	Loại bỏ các tạp chất nhiễm bẩn, làm sạch nước để có thể đưa nước vào nguồn tiếp nhận hoặc đưa vào tái sử dụng	50,000	42,500	7,500	
12	Khu xử lý chất thải rắn liên hợp Đăk Kan	Huyện Ngọc Hồi	Xử lý chất thải rắn cho các thị trấn: Plei Kần, Đăk Tô, Khu Kinh tế Bờ Y; thị trấn mới khu vực xã Đăk Môn - huyện Đăk Glei và khu vực xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi	100,000	85,000	15,000	
13	Các dự án đầu tư mới/nâng cấp hệ thống xử lý chất thải y tế	Toàn tỉnh	Xử các yếu tố nguy hại đến sức khỏe con người và môi trường của chất thải phát sinh từ các cơ sở y tế để bảo vệ sức khỏe cán bộ, nhân viên y tế, người bệnh và cộng đồng	100,000	85,000	15,000	Quyết định 2038/QĐ-TTg ngày 15/11/2011 của Thủ Tướng Chính phủ

TT	Lĩnh vực - dự án	Địa điểm	Mục tiêu, nội dung dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)	Trong đó		Ghi chú
					ODA	Đối ứng	
14	Khu chôn lấp hợp vệ sinh Cà Nhảy, xã Đăk Môn	Huyện Đăk Glei	Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thị trấn mới khu vực xã Đăk Môn; khu vực xã Đăk Dục	20,000	17,000	3,000	
15	Khu chôn lấp hợp vệ sinh Hà Mòn	Huyện Đăk Hà	Chôn lấp chất thải rắn thị trấn Đăk Hà, thị trấn huyện lỵ mới (khu vực xã Đăk Hring)	20,000	17,000	3,000	
16	Khu chôn lấp hợp vệ sinh Măng Cành	Huyện Kon Plông	Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp , đốt chất thải rắn y tế nguy hại thị trấn huyện lỵ mới KonPlông - Măng Đen, Khu du lịch Măng Đen; thị trấn mới (khu vực xã Hiếu, xã Đăk Tăng) và khu vực lân cận.	50,000	42,500	7,500	
17	Khu xử lý Văn Xăng	Huyện Tu Mơ Rông	Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, đốt chất thải rắn y tế thị trấn mới khu vực xã Văn Xuôi; thị trấn huyện lỵ mới Tu Mơ Rông	30,000	25,500	4,500	

TT	Lĩnh vực - dự án	Địa điểm	Mục tiêu, nội dung dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)	Trong đó		Ghi chú
					ODA	Đối ứng	
18	Khu chôn lấp hợp vệ sinh Tân Lập	Huyện Kon Rẫy	Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thị trấn huyện lỵ mới Kon Rẫy (khu vực xã Đăk Ruồng, Tân Lập), Đăk Rve	30,000	25,500	4,500	
19	Xử lý chất thải rắn thị trấn Sa Thầy	Xã Sa Sơn và thị trấn, huyện Sa Thầy	Xử lý các yếu tố nguy hại đến sức khỏe con người và môi trường của chất thải phát sinh từ các cơ sở y tế để bảo vệ sức khỏe cán bộ, nhân viên y tế người bệnh và cộng đồng	50,000	42,500	7,500	Quyết định số 891QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của UBND tỉnh
20	Khu chôn lấp hợp vệ sinh Tân Cảnh	Huyện Đăk Tô	Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp không nguy hại thị trấn Đăk Tô và dân cư xung quanh	50,000	42,500	7,500	
21	Khu xử lý Đăk Tăng	Huyện KonPlông	Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt thị trấn mới (xã Đăk Tăng) và dân cư xung quanh	30,000	25,500	4,500	
22	Khu xử lý Mo Ray	Huyện Mo Ray	Chôn lấp chất thải rắn vô cơ thị trấn huyện lỵ mới Mo Ray và khu vực xung quanh	30,000	25,500	4,500	Quyết định số 891QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của UBND tỉnh
23	Khu xử lý Đăk Man	Huyện ĐăkGlei	Chôn lấp chất thải rắn vô cơ không nguy hại thị trấn và khu vực xung quanh	50,000	42,500	7,500	

TT	Lĩnh vực - dự án	Địa điểm	Mục tiêu, nội dung dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)	Trong đó		Ghi chú
					ODA	Đối ứng	
24	Các kè chống sạt lở sông Đắk La (TP Kon Tum), sông Pô Kô (Đăk Glei), sông ĐăkPNe (Kon Rẫy), Đăk Sịa (Sa Thầy), sông Pô Kô, đoạn qua cầu 42 (Đăk Tô)	TP Kon Tum và các huyện Đăk Glei, Kon Rẫy, Sa Thầy, Đăk Tô	Ứng phó với biến đổi khí hậu, chống lũ lụt, ngăn chặn sạt lở, giữ ổn định bờ sông, bảo vệ dân cư, giữ được quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế, xã hội	1,000,000	850,000	150,000	Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ
V	**ĐẦU TƯ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN**						
1	Củng cố và phát triển mạng lưới trợ giúp người tàn tật phục hồi chức năng giai đoạn 2008 - 2010 và định hướng đến năm 2015	Toàn tỉnh	Củng cố, phát triển mạng lưới y tế trợ giúp người tàn tật trên địa bàn phục hồi chức năng	17,046	15,000	2,046	Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 03/10/2008 của UBND tỉnh Kon Tum
2	Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị trạm y tế xã giai đoạn đến năm 2015	37 trạm y tế trên toàn tỉnh	Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, đầu tư trang thiết bị cho trạm y tế xã	77,000	70,000	7,000	
3	Nâng cao năng lực phòng, chống HIV/AIDS tại Lào và Việt Nam	Toàn tỉnh	Tăng cường năng lực hệ thống quản lý chương trình phòng, chống HIV/AIDS; đầu tư phát triển và mở rộng hệ thống cung ứng các dịch vụ có chất lượng; tăng cường năng lực hệ thống y tế tuyến xã, phường; tăng cường phối hợp khu vực giữa các nước có chung đườn	19,300			Quyết định số 4587/QĐ-BYT ngày 21/11/2012 của Bộ Y tế, Văn bản số 2505/UBND-VX ngày 04/11/2013 của UBND tỉnh

TT	Lĩnh vực - dự án	Địa điểm	Mục tiêu, nội dung dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu đồng)	Trong đó		Ghi chú
					ODA	Đối ứng	
4	Kế hoạch thực hiện "Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn đến 2015 và định hướng đến năm 2020"	Toàn tỉnh	Xử lý các yếu tố nguy hại đến sức khỏe con người và môi trường của chất thải phát sinh từ các cơ sở y tế để bảo vệ sức khỏe cán bộ, nhân viên y tế người bệnh và cộng đồng	276,500	221,200	55,300	Đang dự thảo lấy ý kiến các ngành
5	Các dự án nâng cấp bệnh viện Đa khoa Tỉnh; đa khoa khu vực Ngọc Hồi; bệnh viện Sa Thầy; đầu tư xây dựng Bệnh viện huyện Tu Mơ Rông	Thành phố Kon Tum, các huyện: Ngọc Hồi, Sa Thầy, Tu Mơ Rông	Hoàn chỉnh hệ thống y tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân	276,500	595,000	105,000	Quyết định số 581QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ